Số: 2218/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-11-26T08:16:26+07:00

Phụ lục 1

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ - GPMB

Dự án: Khu Đô Thị Số 3 (Thuộc đô thị mới Hoá Thượng)

(Kèm theo Quyết định số 2218/QĐ-UBND, ngày 25 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Đồng Hỷ)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Bồi thường tài sản	Bồi thường cây cối	Tổng cộng
1	2	3	4	5=3+4
1	Cộng đồng dân cư Xóm 4	62.252.216	13.314.581	**75.566.797**
	Tổng cộng			**75.566.797**

Phụ lục 2

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN VẬT KIẾN TRÚC

Dự án: Khu Đô Thị Số 3 (Thuộc đô thị mới Hoá Thượng)

(Kèm theo Quyết định số 2218/QĐ-UBND, ngày 25 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Đồng Hỷ)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Hạng mục tài sản	ĐVT	Thông số, kích thước	Khối lượng	Đơn giá	H.Số	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	7	8=5x6x7
1	**Cộng đồng dân cư xóm 4, xã Đồng Hỷ**						
*	**Bổ sung tài sản trên thửa đất số 541 , tờ bản đồ 22.**						
-	Ống cống bê tông F50	md	13.6	13.6	208.000	100%	2.828.800
-	Mương gạch chỉ có trát	m3	0,11*0,4*5,9*2	0.5	1.755.000	100%	911.196
-	Lòng mương bê tông tấm đan	m3	0,5*5,9	3.0	317.000	100%	935.150
-	Nắp mương bê tông tấm đan	m3	0,5*5,9	3.0	317.000	100%	935.150
-	Kè xây đá hộc	m3	28,4*1*0,4	11.4	1.146.000	100%	13.018.560
-	Móng kè xây đá hộc	m3	28,4*1*0,7	19.9	1.186.000	100%	23.577.680
-	Khối đào đất móng	m2	28,4*1*0,7	19.9	111.000	100%	2.206.680
*	**Bổ sung tài sản trên thửa đất số 179, tờ bản đồ 22.**						
-	Kè xây đá hộc	m3	0,3*1*20	6.0	1.460.000	100%	8.760.000
-	Móng kè ao xây đá hộc	m3	0,5*0,7*20	7.0	1.186.000	100%	8.302.000
-	Khối đào đất móng	m3	0,5*0,7*20	7.0	111.000	100%	777.000
	Tổng cộng						**62.252.216**

Phụ lục 3

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CÂY TRỒNG, HOA MÀU TRÊN ĐẤT

Dự án: Khu Đô Thị Số 3 (Thuộc đô thị mới Hoá Thượng)

(Kèm theo Quyết định số 2218/QĐ-UBND, ngày 25 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Đồng Hỷ)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Danh mục	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Hệ số (%)	Đơn giá	Thành tiền	Tổng tiền
1	**Cộng đồng dân cư xóm 4, xã Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.**							**13.314.581**
*****	**Cây trồng trên thửa số 541 tờ bản đồ số 22**							
-	Sấu	Cây	ĐK gốc 35 cm, cao 10m	1.00				
	Bồi thường khối gỗ	Khối	0,35*0,35*3,14*10/4*0,5	0.48	100%	8.850.000	4.255.191	
-	Sà Cừ	Cây	ĐK gốc 50 cm, Cao 15m	1.00				
	Bồi thường khối gỗ	Khối	0,5*0,5*3,14*15/4*0,5	1.47	100%	4.400.000	6.476.250	
-	Sà Cừ	Cây	ĐK gốc 45cm, Cao 13m	1.00				
	Bồi thường khối gỗ	Khối	0,45*0,45*3,14*13/4*0,5	1.03	100%	2.500.000	2.583.141	
	Tổng cộng						**13.314.581**	**13.314.581**